LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO Y DƯỢC AN SINH**
Số: 10 - 26/AIRT-KH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026*

# KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO LIÊN TỤC NĂM 2026

1. Kế hoạch đào tạo liên tục theo các chương trình đào tạo liên tục

| TT | Tên khóa học (3) | Số lượng khóa học/năm | Số lượng học viên/01 khóa | Thời gian đào tạo (4) | Kinh phí/01 khóa (5) | Nguồn kinh phí (6) | Đơn vị chịu trách nhiệm triển khai | Người chịu trách nhiệm khoa học | Cấp chứng chỉ/Chứng nhận (8) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 1.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.ĐD. Huỳnh Thị Phượng | Chứng chỉ | |
| 2. | Chăm sóc dụng cụ tại phòng mổ | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 1.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS. Nguyễn Thị Hiếu Phương | Chứng chỉ | |
| 3. | An toàn tiêm chủng | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 1.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | BS.CKI. Ngô Cao Lẫm | Chứng chỉ | |
| 4. | Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản | 6 | 25 – 30 | 48 tiết | 2.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | BS.CKII. Trần Thị Thu Trang | Chứng chỉ | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5. | Kỹ năng giám sát và đánh giá hoạt động chăm sóc người bệnh | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 1.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.ĐD. Huỳnh Thị Phượng | Chứng chỉ | |
| 6. | Kỹ năng giao tiếp - Truyền thông giáo dục sức khỏe | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 1.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.ĐD. Huỳnh Thị Phượng | Chứng chỉ | |
| 7. | An toàn người bệnh | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 1.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.ĐD. Huỳnh Thị Phượng | Chứng chỉ | |
| 8. | Chăm sóc người bệnh toàn diện | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 1.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.ĐD. Huỳnh Thị Phượng | Chứng chỉ | |
| 9. | Quản lý Điều Dưỡng | 3 | 25 – 30 | 280 tiết | 5.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.ĐD. Huỳnh Thị Phượng | Chứng chỉ | |
| 10. | Điều dưỡng phẫu thuật nội soi cơ bản | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 2.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS. Nguyễn Thị Hiếu Phương | Chứng chỉ | |
| 11. | Điều dưỡng Nội soi chẩn đoán và can thiệp | 3 | 15 – 20 | 480 tiết | 9.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS. Nguyễn Thị Hiếu Phương | Chứng chỉ | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12. | Điều dưỡng dụng cụ phòng mổ cơ bản | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 1.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS. Nguyễn Thị Hiếu Phương | Chứng chỉ | |
| 13. | Điều dưỡng dụng cụ phòng mổ | 3 | 25 – 30 | 480 tiết | 7.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS. Nguyễn Thị Hiếu Phương | Chứng chỉ | |
| 14. | Liệu pháp truyền tính mạch an toàn | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 1.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.ĐD. Huỳnh Thị Phượng | Chứng chỉ | |
| 15. | Kỹ thuật cấp cứu – Hồi sức cơ bản | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 2.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.ĐD. Huỳnh Thị Phượng | Chứng chỉ | |
| 16. | An toàn phẫu thuật | 6 | 25 – 30 | 24 tiết | 1.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.BS. Phan Tôn Ngọc Vũ | Chứng chỉ | |
| 17. | Điều dưỡng dụng cụ phẫu thuật nội soi | 3 | 20 – 30 | 250 tiết | 5.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS. Nguyễn Thị Hiếu Phương | Chứng chỉ | |
| 18. | Hướng dẫn xử lý và bảo quản dụng cụ thủ thuật trong cơ sở y tế | 3 | 20 – 30 | 250 tiết | 5.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS. Nguyễn Thị Hiếu Phương | Chứng chỉ | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19. | Kiến thức và kỹ năng hỗ trợ sinh sản cơ bản trên lâm sàng | 3 | 20 – 25 | 478 tiết | 60.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS.BS. Phạm Thị Bảo Yến | Chứng chỉ | |
| 20. | Kiến thức và kỹ năng hỗ trợ sinh sản cơ bản trong labo | 3 | 6 – 10 | 427 tiết | 80.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | BS. Nguyễn Anh Danh | Chứng chỉ | |
| 21. | Kỹ thuật bơm tinh trùng vào buồng tử cung | 6 | 25 – 30 | 32 tiết | 8.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS.BS. Phạm Thị Bảo Yến | Chứng chỉ | |
| 22. | Kiến thức và thực hành xét nghiệm tinh dịch đồ theo WHO 2021 | 6 | 10 – 12 | 16 tiết | 8.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | BS. Nguyễn Anh Danh | Chứng chỉ | |
| 23. | Kiến thức và thực hành kỹ thuật lọc rửa tinh trùng chuẩn bị cho bơm tinh trùng vào buồng tử cung | 6 | 10 – 12 | 16 tiết | 8.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | BS. Nguyễn Anh Danh | Chứng chỉ | |
| 24. | Cấy ghép nha khoa cơ bản | 3 | 15 – 20 | 140 tiết | 25.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.BS. Cao Hữu Tiến | Chứng chỉ | |
| 25. | Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản dành cho các phòng khám đa khoa và chuyên khoa | 10 | 35 – 50 | 48 tiết | 3.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.BS.CKII. Nguyễn Thị Thanh Hà | Chứng nhận | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 26. | Phẫu thuật nâng mũi bằng cách đặt sống mũi toàn phần | 6 | 15 – 20 | 24 tiết | 20.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | PGS.TS.BS. Lê Hành | Chứng nhận | |
| 27. | Chỉnh hình mũi tái cấu trúc cơ bản cho người Á đông | 6 | 15 – 20 | 48 tiết | 40.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | PGS.TS.BS. Lê Hành | Chứng chỉ | |
| 28. | Kỹ thuật cơ bản chăm sóc da thẩm mỹ | 3 | 20 – 30 | 288 tiết | 12.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.BS.CKII. Phan Minh Hoàng | Chứng chỉ | |
| 29. | Kỹ thuật tiêm Botulinum Toxin trong thẩm mỹ và một số bệnh lý cơ bản | 3 | 20 – 30 | 105 tiết | 18.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.BS.CKII. Phan Minh Hoàng | Chứng chỉ | |
| 30. | Hồi sinh tim phổi cơ bản - Cấp cứu phản vệ và ngộ độc thuốc tê | 6 | 30 - 45 | 24 tiết | 2.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS.BS. Đỗ Ngọc Chánh | Chứng chỉ | |
| 31. | Hồi sức cấp cứu cơ bản - Tiếp cận xử trí bệnh nặng và chấn thương | 6 | 30 - 45 | 48 tiết | 3.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS.BS. Đỗ Ngọc Chánh | Chứng chỉ | |
| 32. | Thận học – Lọc máu nâng cao dành cho bác sĩ | 3 | 25 – 30 | 492 tiết | 9.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.BS. Nguyễn Minh Tuấn | Chứng chỉ | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 33. | Thận học – Lọc máu dành cho bác sĩ | 2 | 25 – 30 | 780 tiết | 18.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.BS. Nguyễn Minh Tuấn | Chứng chỉ | |
| 34. | Thận học – Lọc máu dành cho điều dưỡng | 2 | 25 – 30 | 776 tiết | 12.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.BS. Nguyễn Minh Tuấn | Chứng chỉ | |
| 35. | Siêu âm tổng quát thực hành | 3 | 15 – 30 | 258 tiết | 16.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | BS.CKII. Nguyễn Hoàng Anh | Chứng chỉ | |
| 36. | Sư phạm y học cơ bản | 6 | 30 – 35 | 80 tiết | 2.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.BS. Võ Thành Liêm | Chứng chỉ | |
| 37. | Phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe | 6 | 30 – 35 | 40 tiết | 2.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | TS.BS. Võ Thành Liêm | Chứng chỉ | |
| 38. | Ứng dụng thực dưỡng trong một số bệnh lý mạn tính | 6 | 15 – 20 | 32 tiết | 2.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS.BS. Châu Đức Hòa | Chứng nhận | |
| 39. | Ứng dụng phương pháp nhĩ châm hỗ trợ điều trị một số bệnh thường gặp | 6 | 15 – 20 | 32 tiết | 3.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS.BS. Châu Đức Hòa | Chứng nhận | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 40. | Xoa bóp bấm huyệt | 6 | 15 – 20 | 96 tiết | 7.500.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS.BS. Châu Đức Hòa | Chứng nhận | |
| 41. | Dưỡng sinh – Khí công cơ bản | 6 | 15 – 20 | 64 tiết | 5.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS.BS. Châu Đức Hòa | Chứng nhận | |
| 42. | Phương pháp Đánh gió - Giác hơi trong các bệnh cảm thông thường | 6 | 15 – 20 | 16 tiết | 1.000.000 | Học viên | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | ThS.BS. Châu Đức Hòa | Chứng nhận | |

2. Kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học cấp chứng nhận đào tạo liên tục:

| TT | Tên hội thảo, hội nghị, tọa đàm | Thời gian tổ chức | Số tiết đào tạo liên tục được quy đổi | Đối tượng tham dự | Đơn vị chịu trách nhiệm triển khai | Số lượng được cấp giấy chứng nhận | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quản lý và điều trị vết thương mạn tính, biến chứng thẩm mỹ | 17/01/2026 | 1.5 giờ tín chỉ | Bác sĩ | Viện Nghiên cứu và Đào tạo y dược An Sinh | 200 | |

**VIỆN TRƯỞNG**

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO Y DƯỢC AN SINH

**BS.CKII. Võ Thanh Tâm**